TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 48/2025/HSST
Ngày: 28/4/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán*** - *Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Ninh

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Miến;

+ Ông Nguyễn Văn Chiến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải, Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, TP. Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, TP. Hà Nội, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 49/2025/HSST ngày 14 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Đinh Văn S, sinh năm 1986 tại huyện TT, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thôn 4, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Long T và bà Bùi Thị L; Vợ: Nguyễn Thị Lan Anh; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016: Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Bị hại*: Chị Ngô Thị P, sinh năm 1987; trú tại: Thôn 2, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Văn C, sinh năm 1975; trú tại: Thôn 2, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội. Có mặt

- *Người làm chứng*:

- Anh Đinh Quý H, sinh năm 1983; trú tại: Thôn 4, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Anh Đinh Công T, sinh năm 1986; trú tại: Thôn 5, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các T liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 ngày 04/01/2024, Đinh Văn S (sinh năm 1986; trú tại thôn 4, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội) điều khiển xe ô tô tải BKS: 28C-042.83 quá thời hạn đăng kiểm 2 năm 4 tháng 14 ngày di chuyển trên đường tỉnh lộ 446 theo hướng Vai Réo - Bãi Nai, đến km 9+200 thuộc địa phận xã TX, huyện TT thì xe ô tô bị hỏng không đi được nên S điều khiển xe ô tô sát vào lề đường và cắm cành cây vào bình nước để ở phía sau xe, cách đuôi xe 13,3m để cảnh báo. Sau đó, S gọi anh Đinh Quý H (sinh năm 1983; trú tại thôn 4, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội) là thợ sửa xe ô tô đến để sửa xe ô tô nhưng không sửa được nên S bảo anh H về trước. S ở lại đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì để xe tại lề đường và đi ăn ở quán của anh Đinh Công T tại thôn 4, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội. Khoảng 19 giờ cùng ngày, chị Ngô Thị P (sinh năm 1987; trú tại thôn 2, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội) điều khiển xe mô tô BKS: 29V5 - 661.73 đi trên đường tỉnh lộ 446 theo hướng Vai Réo - Bãi Nai đã đâm vào phần đuôi xe tải khiến chị P bị thương tích.

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 (một) xe mô tô BKS: 29V5 - 661.73;
- 01 (một) xe ô tô BKS: 28C- 042.83;
- 01 (một) giấy đăng ký P tiện; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
- 01 (một) bản sao giấy phép lái xe hạng C, số 010111004004 do Sở giao thông vận tải Hà Nội cấp ngày 22/4/2019 có giá trị đến ngày 22/4/2024 mang tên Đinh Văn S;
- 01 (một) giấy phép lái xe hạng C, số 010111004004 do Sở giao thông vận tải Hà Nội cấp ngày 19/7/2024 mang tên Đinh Văn S.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 4333/KL-KTHS ngày 06/9/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

1. Kết quả chính

Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, khám giám định và khám chuyên khoa, xác định chị Ngô Thị P bị đa chấn thương, đã điều trị, hiện tại:

- Sẹo tại vùng chẩm phải kích thước 3,2 x 2,5cm.
- Sẹo phẫu thuật tại vùng trán- thái dương trái kích thước 19 x (0,1-02)cm.
- Sẹo tại vùng trán trái kích thước 3 x 0,1cm.
- Sẹo tại mi trên mắt trái kích thước 3,5 x 0,1cm, gây co kéo hở mi.
- Sẹo tại gò má trái kích thước 3 x 0,1cm.
- Sẹo tại vùng cổ bên phải kích thước 0,8 x 0,2cm.

- Sẹo phẫu thuật tại vùng hông bên phải kích thước 5x (0,5-1)cm.

- Sẹo phẫu thuật tại mặt ngoài 1/3 giữa đùi phải kích thước 15x (0,3-0,5)cm.

- Sẹo phẫu thuật tại mặt ngoài 1/3 dưới đùi phải, kích thước 0,8x (0,1-0,3)cm.

- Sẹo phẫu thuật tại mặt ngoài gối phải kích thước 1,6 x (0,3-0,5)cm.

- Sẹo phẫu thuật mặt trước gối phải kích thước 1,5 x (0,3-0,8)cm.

- Ổ tổn thương não thùy trán trái đường kính <2cm, không có di chứng chức năng hệ thần kinh, hiện tại còn hình ảnh tổn thương trên chuẩn đoán hình ảnh.

- Xuất huyết dưới nhện bán cầu phải, lều tiểu não hai bên, đã điều trị, hiện không có di chứng thần kinh, hiện tại không còn hình ảnh tổn thương trên chuẩn đoán hình ảnh.

- Lún bản ngoài xương đỉnh phải đường kính <3cm.

- Khuyết xương trán trái đường kính <2cm đáy chắc, kèm đường vỡ xương trán trái không di lệch.

- Vỡ xương ổ mắt trái.

- Vỡ thành ngoài ổ mắt trái.

- Gãy xương cung tiếp gò má trái, không ảnh hưởng chức năng.

- Vỡ thành xoang hàm trái đã kết hợp xương.

- Gãy gai ngang bên phải các đốt sống cổ C2, C6 và C7.

- Gãy 1/3 giữa xương đòn trái, can liền tốt, không ảnh hưởng chức năng.

- Gãy cung sau xương sườn 1 bên phải, can tốt.

- Gãy 1/3 giữa xương đùi phải, đang can, trục thẳng, còn P tiện kết xương, không ngắn chi.

- Gãy thân răng R1.1 và R1.2.

2. Kết luận

2.1. Tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể:

Đối chiếu Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể như sau:

- Sẹo kích thước trung bình tại vùng chẩm phải: 02% (áp dụng Nguyên tắc 1 và Mục I.2, Chương 8).

- Sẹo phẫu thuật kích thước trung bình tại vùng trán - thái dương trái: 02% (áp dụng Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.2, Chương 8).

- Sẹo kích thước nhỏ tại vùng trán trái: 03% (áp dụng Nguyên tắc 1, 2 và Mục I.1, Chương 8).

- Sẹo tại mi trên mắt trái, gây co kéo hở mi: 11% (áp dụng Mục III.2, Chương 10).

- Sẹo kích thước nhỏ tại gò má trái: 03% (áp dụng Nguyên tắc 1, 2 và Mục I.1, Chương 8).

- Sẹo kích thước nhỏ tại vùng cổ bên phải: 02% (áp dụng Nguyên tắc 1, 2 và Mục I.1, Chương 8).

- Sẹo phẫu thuật kích thước trung bình tại vùng hông bên phải: 02% (áp dụng Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.2, Chương 8).

- Sẹo phẫu thuật kích thước lớn tại mặt ngoài 1/3 giữa đùi phải: 03% (áp dụng Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.2, Chương 8).

- Sẹo phẫu thuật kích thước nhỏ tại mặt ngoài 1/3 dưới đùi phải: 01% (áp dụng Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.2, Chương 8).

- Sẹo phẫu thuật kích thước nhỏ tại mặt ngoài gối phải: 01% (áp dụng Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.2, Chương 8).

- Sẹo phẫu thuật kích thước nhỏ mặt trước gối phải: 01% (áp dụng Nguyên tắc 1, 3 và Mục I.2, Chương 8).

- Ổ tổn thương não thùy trán trái đường kính <2cm, hiện tại còn hình ảnh tổn thương trên chuẩn đoán hình ảnh, không có di chứng chức năng hệ thần kinh: 21% (áp dụng Mục III.1, Chương 1).

- Xuất huyết dưới nhện bán cầu phải, lều tiểu não hai bên, đã điều trị, hiện không có di chứng thần kinh, không còn hình ảnh tổn thương trên chuẩn đoán hình ảnh: 08% (áp dụng Mục III.8 và Ghi chú Mục III, Chương 1).

- Lún bản ngoài xương đỉnh phải đường kính <3cm: 08% (áp dụng Mục I.4.1, Chương 8).

- Khuyết xương trán trái đường kính <2cm đáy chắc, kèm đường vỡ xương trán trái không di lệch: 16% (áp dụng Mục I.5.I, Chương I).

- Vỡ xương ổ mắt trái: 05% (áp dụng Mục XIII.1, Chương 8).

- Vỡ thành ngoài ổ mắt phải: 05% (áp dụng Mục XIII.1, Chương 8).

- Gãy xương cung tiếp gò má trái, không ảnh hưởng chức năng: 08% (áp dụng Mục I.2, Chương 11).

- Vỡ thành xoang hàm trái đã kết hợp xương: 07% (áp dụng Mục II.4.1, Chương 12).

- Gãy gai ngang bên phải các đốt sống cổ C2, C6 và C7: 11% (áp dụng Mục XII.5.2, Chương 7).

- Gãy 1/3 giữa xương đòn trái, can liền tốt, không ảnh hưởng chức năng: 06% (áp dụng Mục I.1.1, Chương 7).

- Gãy cung sau xương sườn 1 bên phải, can tốt: 02% (áp dụng Mục II.2, Chương 3).

- Gãy 1/3 giữa xương đùi phải, đang can, trục thẳng, còn P tiện kết xương, không ngắn chi: 21% (áp dụng Mục VII.10.1, Chương 7).

- Gãy thân răng R1.1 và R1.2: mỗi răng 02% (áp dụng Mục II.1.2.1, Chương 11).

Áp dụng P pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn

thương cơ thể của chị Ngô Thị P tại thời điểm giám định là: **80% (tám mươi phần trăm).**

** Do chị Ngô Thị P không khám chuyên khoa Mắt theo chỉ định nên không có cơ sở xác định tổn thương về Mắt (nếu có).*

2.2. Cơ chế hình thành thương tích:

Các thương tích của chị Ngô Thị P do vật tày gây ra.

Tại bản kết luận giám định số 683/KL-KTHS ngày 27/2/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- Cơ chế hình thành dấu vết va chạm giữa xe ô tô biển số 28C- 042.83 với xe mô tô biển số 29V5- 661.73:

+ Dấu vết biến dạng, trượt xước, mất gỉ sắt màu nâu ở mặt ngoài bên trái khung kim loại bảo vệ cụm đèn sau bên trái xe ô tô biển số 28C- 042.83 có chiều từ sau về trước (ảnh 5 trong bản ảnh giám định), phù hợp với dấu vết trượt xước, bám dính chất màu nâu ở mặt ngoài cần gương chiếu hậu bên phải xe mô tô biển số 29V5- 661.73. Dấu vết va chạm ở xe mô tô biển số 29V5- 661.73 tại vị trí này có chiều từ trước về sau (ảnh 6 trong bản ảnh giám định).

+ Dấu vết trượt xước, mất cao su màu đen, bám dính chất màu đỏ ở mặt ngoài má ngoài lốp bánh ngoài hàng bánh sau cùng bên trái xe ô tô biển số 28C- 042.83 có chiều từ mặt lăn vào cạnh vành bánh xe (ảnh 7 trong bản ảnh giám định), phù hợp với dấu vết trượt xước, mất S màu đỏ, bám dính chất màu đen ở mặt ngoài bên phải ốp mặt nạ đầu xe mô tô biển số 29V5- 661.73. Dấu vết va chạm ở xe mô tô biển số 29V5- 661.73 tại vị trí này có chiều từ trước về sau (ảnh 8 trong bản ảnh giám định).

- Không xác định được tốc độ của xe ô tô biển số 28C- 042.83 và xe mô tô biển số 29V5- 661.73 ngay trước khi xảy ra va chạm.

*** Khám nghiệm hiện trường thu thập được những dấu vết sau:**

- Mô tả hiện trường chung nơi xảy ra tai nạn: Hiện trường xảy ra vụ tai nạn giao thông được rải bê tông nhựa nhẵn, phẳng, mặt đường rộng 6m30, hướng đường thẳng, ở khoảng giữa mặt đường có vạch kẻ đường S màu vàng đứt quãng bản rộng 0m15 tỉ lệ 1:2 chạy dọc theo trục đường, đo từ tâm vạch kẻ đường vào mép đường bên phải hướng Vai Réo - Bãi Nai được 3m25. Tiếp giáp với hai bên mép đường là lề cỏ có chiều rộng 1m10.

- Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, P tiện, dấu vết:

(1) Bình chứa nước có cắm cành cây xanh;

(2) Xe ô tô biển số 28C- 042.83;

(3) Mảnh nhựa màu đỏ, bột đất;

(4) Nhiều vết trượt xước mặt đường;

(5) Xe mô tô biển số 29V5- 661.73;

(6) Vết chất dung dịch màu đỏ.

- Điểm mốc và một trong các mép đường làm chuẩn:

+ Điểm mốc được xác định là tâm chân cột điện bê tông xi măng được đánh số 70 nằm ở hành lang bên phải đường hướng Vai Réo - Bãi Nai.

+ Quá trình khám nghiệm hiện trường tất cả các số đo về dấu vết P tiện đều được tính đo vào mép đường bên phải hướng Vai Réo - Bãi Nai

- Mô tả theo số thứ tự vị trí dấu vết, nạn nhân, P tiện:

+ Cách điểm mốc được xác định về phía Vai Réo 9m25 là tâm đáy bình nhựa chứa nước có cắm cành cây xanh có chiều cao 1m50, rộng 1m10. Bình nước có đường kính 0m27 để trên mặt đường nhựa. Tâm đáy bình nước cách mép đường bên phải 2m40, điểm xa nhất của cành cây cách mép đường bên phải 3m00 (Vị trí số 1)

+ Cách tâm đáy bình chứa nước số 01 về phía Bãi Nai 13m30 là tâm đầu trục bánh sau bên phải xe ô tô nhãn hiệu MTM, loại xe tải, S màu xanh biển số 28C- 042.82 đỗ trên mặt đường nhựa. Đầu xe hướng về phía Bãi Nai, đuôi xe hướng về phía Vai Réo. Mép ngoài lốp bánh trước bên phải cách mép đường bên phải 0m20; mép ngoài lốp ngoài bánh sau bên phải cách méo đường bên phải 0m20 (Vị trí số 2).

+ Cách tâm đầu trục bánh sau bên trái xe ô tô tải biển số 28C- 042.82 về phía Vai Réo 0m10 là điểm trung tâm của các mảnh nhựa S màu đỏ vỡ và bột đất màu nâu rơi trên mặt đường nhựa diện (2m10x1m80). Điểm trung tâm của các mảnh vỡ cách mép đường bên phải 2m50 (Vị trí số 3).

+ Cách điểm trung tâm của vết số 3 về phía Vai Réo 0m35 là tâm đầu của nhiều vết trượt xước mặt đường màu trắng đứt quãng theo chiều hướng Vai Réo - Bãi Nai và chếch sang bên trái đường với tổng chiều dài 0m80 trên diện rộng 0m70. Vết rộng nhất 2cm. Tâm đầu vết cách mép đường bên phải 2m70, tâm cuối vết cách mép đường bên phải 3m35 (Vị trí số 4).

+ Cách tâm đầu vết số 4 về phía Bãi Nai 0m80 là tâm đầu trục bánh sau bên phải xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh S màu đỏ biển số 29V5-661.73 được dựng bằng chân chống nghiêng trên mặt đường. Đầu xe hướng về phía Bãi Nai và chếch sang bên phải, đuôi xe hướng về Vai Réo và chéo sang bên trái đường hướng Vai Réo - Bãi Nai. Tâm đầu trục bánh trước bên phải cách mép đường bên phải 2m80, tâm đầu trục bánh sau bên phải cách mép đường bên phải 3m10 (Vị trí số 5).

+ Cách tâm dấu vết số 4 về phía Vai Réo 0m35 là điểm trung tâm của 01 vết chất dung dịch màu đỏ bám dính trên mặt đường diện (0m35x0m25). Điểm trung tâm của vết chất cách mép đường bên phải 3m35 (Vị trí số 6).

- Quá trình xác minh xác định: Xe ô tô BKS: 28C- 042.83 kiểm định lần cuối ngày 22/02/2021 có thời hạn kiểm định đến hết ngày 21/8/2021. Tại thời điểm xảy ra vụ việc, xe ô tô BKS: 28C- 042.82 quá thời hạn đăng kiểm 2 năm 4 tháng 14 ngày.

- Tra cứu trên trang điện tử giấy phép lái xe của Bộ công an kết quả: Đinh Văn S đã có giấy phép lái xe hạng C, số 010111004004 do Sở giao thông vận tải

Hà Nội cấp ngày 22/4/2019 có giá trị đến ngày 22/4/2024 ; Chị Ngô Thị P có giấy phép lái xe hạng A1, số 011175003499 do Sở giao thông vận tải Hà Nội cấp ngày 30/9/2022 có giá trị không thời hạn.

- Xét nghiệm ma tuý bằng que thử đối với Đinh Văn S kết quả âm tính.

- Kiểm tra nồng độ cồn bằng máy đo nồng độ cồn đối với Đinh Văn S kết quả 0,044 miligam/1 lít khí thở. Do S khai nhận và có nhân chứng xác nhận việc S uống rượu sau khi xảy ra sự việc nên không đủ căn cứ để kết luận khi S điều khiển xe ô tô trong cơ thể S có nồng độ cồn hay không.

- Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn và ma tuý đối với chị Ngô Thị P của bệnh viện quân y 105 kết quả: âm tính.

- Đối với xe ô tô BKS: 28C- 042.83 kéo theo sơ mi rơ mooc BKS: 19R-010.82 không có hư hỏng nên anh Đinh Văn S từ chối định giá T sản và không có yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không tiến hành định giá T sản là có căn cứ.

- Đối với xe mô tô BKS: 29V5- 661.73 bị hư hỏng nhẹ nên chị Ngô Thị P từ chối định giá T sản và không có yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không tiến hành định giá T sản.

Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 11/4/2025, của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Đinh Văn S về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm b khoản 1 Điều 260 của BLHS 2015.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo với mức án từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 260 của BLHS đối với bị cáo.

Về phần dân sự: Bị cáo đã tự nguyện hỗ trợ cho Ngô Thị P số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Chị P có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo S và không có yêu cầu đề nghị gì thêm về bồi thường dân sự nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về xử L vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo 01 (một) giấy phép lái xe hạng C, số 010111004004 do Sở giao thông vận tải Hà Nội cấp ngày 19/7/2024 mang tên Đinh Văn S.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì với bản luận tội của Viện Kiểm sát, không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và T liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các T liệu đã thu thập trong hồ sơ, tang vật của vụ án, kết luận giám định và người làm chứng. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Đinh Văn S là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có giấy phép lái xe hạng C. Khoảng 19 giờ ngày 04/01/2024, tại km 9+ 200 tỉnh lộ 446 thuộc địa phận xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội, Đinh Văn S đỗ xe sát lề đường bên phải chiếm một phần đường xe chạy có đặt cảnh báo nhưng không đúng quy định khiến chị Ngô Thị P điều khiển xe mô tô BKS: 29V5- 661.73 đâm vào đuôi xe ô tô và bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 80%. Nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông trên là do Đinh Văn S đỗ xe không đúng quy định đã vi phạm điểm d khoản 3 Điều 18 Luật giao thông đường bộ. Bị hại là chị Ngô Thị P cũng có một phần lỗi sơ ý khi tham gia giao thông không quan sát chướng ngại vật phía trước nên dẫn đến tai nạn.

Với hành vi trên của bị cáo đã thực hiện thì bị cáo đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự 2015. Vì vậy, VKSND huyện TT truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là chính xác, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự an toàn của hoạt động giao thông đường bộ và sự an toàn về tính mạng, sức khoẻ của người khác. Do vậy, cần có hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện khắc phục, bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có bố đẻ (ông Đinh Long T) là người có công với cách mạng, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015.

Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo thành người tốt.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 260 BLHS 2015 đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Gia đình bị hại không có yêu cầu đề nghị gì thêm về bồi thường dân sự nên HĐXX không xem xét.

Xử L vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo 01 (một) giấy phép lái xe hạng C, số 010111004004 do Sở giao thông vận tải Hà Nội cấp ngày 19/7/2024 mang tên Đinh Văn S. Do bị cáo Đinh Văn S giao nộp (kèm theo hồ sơ vụ án).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn S phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn S 15 *(Mười lăm)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo

về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đinh Văn S cho UBND xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về xử L vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo Đinh Văn S 01 (một) giấy phép lái xe hạng C, số 010111004004 do Sở giao thông vận tải Hà Nội cấp ngày 19/7/2024 mang tên Đinh Văn S. Do bị cáo Đinh Văn S giao nộp (Bị cáo đã nhận tại phiên tòa).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Đinh Văn S phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo*:* Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- CA, THA, VKSND huyện TT;
- VKSNDTPHN, TANDTPHN;
- UBND xã TX, huyện TT.
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tạo phiên tòa

Tạ Thị Ninh